

Bản án số: 562/2017/DS-ST

Ngày: 07/12/2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Tiên.

2/ Ông Võ Văn Tốt.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2017/TLST-DS ngày 13/4/2017 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2017/QĐST-DS ngày 17/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Đăng Q**, S năm 1952;

Thường trú: Ấp số 6, xã Mỹ C, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lâm Văn N**, 1958;

Thường trú: 384/1, TTH 07, tổ 6, khu phố 4, phường Tân Thới H, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số 07879 ngày 18/4/2017 tại Văn phòng công chứng Quận 12)- (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Văn X**, S năm 1961; (**Lâm Văn S**, S năm 1964. Ngày 04/11/2014, Công an Quận 12 đã điều chỉnh từ **Lâm Văn X**, S ngày 20/7/1961 thành **Lâm Văn S**, S ngày 20/7/1964),

Thường trú: số 10, đường TMT 12, khu phố 5, phường Trung Mỹ T, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 1033/14/3 Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 3, phường Tân Chánh H, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt không có lý do).

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Hồ Thị T**, S năm 1969.

Thường trú: A, ấp Thới T, xã Tân H, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

2/ Bà **Nguyễn Thị Thu L**, S năm 1963 (vợ ông X -S);

Thường trú: số A, đường TMT, khu phố 5, phường Trung Mỹ T , Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: A, Nguyễn Ảnh Th, khu phố 3, phường Tân Chánh H , Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2017, bản tự khai vào các ngày 18/4/2017; 14/7/2017, Các biên bản ngày 10/5/2017; 18/7/2017; 08/8/2015; 28/8/2017; 08/9/2017 nguyên đơn ông Võ Đăng Q và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lâm Văn N trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn cùng quê, vào ngày 30/9/2011 ông Võ Đăng Q có cho ông Lâm Văn X (S) vay 100.000.000 đồng với lãi xuất 3%/tháng, tài sản đảm bảo vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02038 được UBND huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2008 mang tên bà Hồ Thị T. Ông X (S) có cam kết khi nào ông Q cần thì báo trước 30 ngày ông X (S) sẽ hoàn trả lại. Tuy nhiên khi ông Q cần và nhiều lần đòi tiền ông X (S) nhưng ông X (S) lẩn tránh và không có thiện ý trả nợ gốc và lãi. Vì vậy ông Võ Đăng Q khởi kiện ông Lâm Văn X (S) ra tòa án, yêu cầu ông X (S) thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là buộc ông Lâm Văn X (S) phải trả cho ông Võ Đăng Q số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ tháng 09 năm 2011 cho đến ngày khởi kiện 4/2017 là 5 năm 7 tháng với số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng ông Lâm Văn X (S) phải trả cho ông Võ Đăng Q là **120.000.000** đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Lâm Văn X (Lâm Văn S) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T, bà Nguyễn Thị Thu L nhưng ông X (S) và các bà T, L vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa hai bên theo Giấy vay tiền ký kết ngày 30/9/2011. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Lâm Văn X (Lâm Văn S), bà Hồ Thị T , bà Nguyễn Thị Thu L vắng mặt không lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông X (S), bà T , bà L và ông Nh theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được;

Căn cứ vào Giấy vay tiền ký kết ngày 30/9/2011 có đủ cơ sở để xác định:

Ông Võ Đăng Q có cho ông Lâm Văn X (Lâm Văn S) vay 100.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Tài sản đảm bảo vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02038 được UBND huyện Hóc, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2008 mang tên bà Hồ Thị T . Việc vay tiền hai bên tự nguyện xác lập bằng văn bản và cùng ký tên, ông X (Lâm Văn S) cam kết khi nào ông Q cần lấy lại tiền thì báo trước 30 ngày sẽ hoàn trả đầy đủ. Tuy nhiên, khi ông Q yêu cầu ông X (S) trả nợ gốc và lãi thì bị đơn hứa trả nhưng không có thiện ý hoàn trả.

Trong suốt thời gian giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập bị đơn ông Lâm Văn X (Lâm Văn S) và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T , bà Nguyễn Thị Thu L nhưng bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn không lên Tòa để trình bày ý kiến, việc này có thể coi như là ông X (S) và bà T , L đã tự từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo quy định tại Điều 91; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì những lời khai của nguyên đơn ông Võ Đăng Q và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Văn N là chứng cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xác minh:

Theo xác nhận của Công an phường Tân Chánh H ngày 03/7/2017 và ngày 22/8/2017 “đương sự Lâm Văn X , S năm 1961. Hiện cư trú tại địa chỉ: A,

Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 3, phường Tân Chánh H , Quận 12, nhưng hiện nay không thường xuyên ở tại địa phương- đi đâu không rõ”.

Theo xác nhận của Công an phường Tân Chánh H ngày 22/8/2017 “đương sự Nguyễn Thị Thu L , S ngày 05/8/1963. HKTT: số A, đường TMT, khu phố 5, phường Trung Mỹ T , Quận 12. Hiện nay ở: A, Nguyễn Ảnh Th, khu phố 3, phường Tân Chánh H , Quận 12 từ năm 2013 cho đến nay”.

Theo xác nhận của Công an xã Tân Hiệp ngày 24/10/2017 “đương sự Hồ Thị T , S năm 1969. HKTT: A, ấp Thới Tây 1, xã Tân H, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện bà T đã bỏ địa phương về S sống tại Tây Ninh từ năm 2009”.

Tại Sổ hộ khẩu số 31220038508 có ghi tại trang 1: “Họ tên chủ hộ: Lâm Văn X , S ngày 20/7/1961, nhưng tại trang 15 có ghi sự điều chỉnh thay đổi: “Trang 1 họ tên năm S Lâm Văn S 20.7.1964”. Căn cứ vào kết quả trả lời của Công an Quận 12 ngày 17/8/2017: “Ngày 04/11/2014 Công an Quận 12 đã giải quyết điều chỉnh từ Lâm Văn X , S ngày 20/7/1961 thành Lâm Văn S , S ngày 20/7/1964 theo Giấy trích lục khai S đăng ký ngày 03/10/1981 tại UBND thị trấn Mỹ Cẩm, huyện Cần Long, tỉnh Cửu Long- nay là tỉnh Trà Vinh và Công văn số 5277/PX13-Đ2 của Phòng tổ chức cán bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do điều chỉnh: để phù hợp với hồ sơ sử dụng trong sổ hộ khẩu, CMND đang sử dụng và hồ sơ sử dụng trong ngành công an”.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được, Lâm Văn X , S ngày 20/7/1961 và Lâm Văn S S ngày 20.7.1964 là cùng một người.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Căn cứ vào Giấy vay tiền ký kết ngày 30/9/2011 có chữ ký của cả hai bên thì về hình thức và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng được thể hiện đúng theo quy định tại các Điều 122, 124 Bộ luật dân sự 2005 quy định tại thời điểm hai bên xác lập quan hệ vay tài sản như giữa hai bên đã có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản, ông Võ Đăng Q và ông Lâm Văn X (S) cùng là những người có năng lực hành vi dân sự...

Do bên bị đơn vi phạm hợp đồng không trả tiền theo hợp đồng thỏa thuận cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đúng với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay của nguyên đơn là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Về yêu cầu tính tiền lãi: Theo Giấy vay tiền ký kết ngày 30/9/2011 thì lãi suất cho vay là 3%/tháng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 09/2011 cho đến ngày khởi kiện 4/2017 là 5 năm 7 tháng với số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho phía bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi: 20.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên,

Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc và tiền lãi là 120.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 48, 49, 147, 217; 227, 228, 235, 264, 266, 267; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 122; 124; 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 119, 217; 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Lâm Văn X (Lâm Văn S) phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Đăng Q số tiền là **120.000.000** (một trăm hai mươi triệu) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa giao trả hết số tiền nêu trên, thì bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát S do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc ông Lâm Văn X (Lâm Văn S) phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Trả cho nguyên đơn ông Võ Đăng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 3.000.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024115 ngày 13/4/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- VKS ND Quận 12;
- Chi cục THA DS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất